TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2022
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Luân

2. Ông Nguyễn Văn Chậm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung -Thư ký Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Văn X** sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, thị trấn C1, huyện P1, An Giang.

2. Bị đơn: Chị **Trần Mỹ R** sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện T, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Văn X trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Mỹ R chung sống với nhau vào năm 2011 do quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C1, huyện P1, An Giang vào ngày 05/5/2014. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cự cãi nhau nên cuộc sống không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với chị R.

- Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Tiến C sinh ngày 17/6/2014. Hiện cháu C đang sống với chị Ri, anh yêu cầu chị R trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Mỹ R trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Huỳnh Văn X cưới nhau vào năm 2011 do quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C1, huyện P1, tỉnh An Giang vào ngày 05/5/2014. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh X không có gặp nhau để bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị đồng ý ly hôn với anh X.

- Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Tiến C sinh ngày 17/6/2014. Hiện cháu C đang sống với chị, chị đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, anh X không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh X, cho anh X được ly hôn với chị R, giao con chung cho chị R nuôi dưỡng, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con do chị R chưa có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Văn X và chị Trần Mỹ R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 127, khoản 1 Điều 128 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh X và chị R.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn X và chị Trần Mỹ R chung sống với nhau vào năm 2011 do quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C1, huyện P1, An Giang vào ngày 05/5/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh X và chị R là do bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cự cãi nhau nên cuộc sống không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh X và chị R đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và chị Ri đồng ý ly hôn với anh X. Do đó yêu cầu ly hôn của anh X là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh X được ly hôn với chị R.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Tiến C sinh ngày 17/6/2014. Xét thấy, hiện cháu C đang sống với chị R và được chị R chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt. Anh X đồng ý để chị R tiếp tục nuôi dưỡng cháu C và cháu C có nguyện vọng sống chung với chị R. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của cháu C nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu C cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng: Do chị R không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản và nợ chung: Anh X và chị R trình bày thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Huỳnh Văn X được ly hôn với chị Trần Mỹ R.

2. Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Tiến C sinh ngày 17/6/2014 cho chị R được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Huỳnh Văn X phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí anh X đã nộp theo biên lai thu số 0003111 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T xem như anh X đã nộp xong án phí.

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, đối với anh X và chị R được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND thị trấn C1, huyện P1, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thi